

Bản án số 23/2023/DS-PT

Ngày 16/02/2023

Về “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu công nhận tài sản chung, yêu cầu hủy chỉnh lý biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm, ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 149/TBTL-TA ngày 01/10/2022 về “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu công nhận tài sản chung, yêu cầu hủy chỉnh lý biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc*” do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 676/2023/QĐ-PT ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Võ Thị C (N), sinh năm 1959; địa chỉ: 120 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 26/7/2021: chị Trần Thị Minh A, sinh ngày 21/10/1984; địa chỉ: TP Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn K và Luật sư Lê Thị L, thuộc Công ty TNHH X, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội, hai Luật sư có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Q (j Tran), sinh năm 1964; địa chỉ: USA.

Người đại diện theo giấy ủy quyền được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 10/12/2021 là ông Trần D, sinh năm 1971; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Chế Giang S, thuộc Công ty Luật MTV N, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vo J (Võ N) sinh năm 1968; địa chỉ: USA. *Người đại diện theo giấy ủy quyền được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 10/12/2021* là ông Trần C, sinh năm 1970; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3.2. Cụ Lê Thị T, sinh năm 1926; địa chỉ: 44 đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt;

3.3. Ông Trần C, sinh năm 1970; địa chỉ: 44, đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

3.4. A Trần Tuấn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

3.5. Chị Trần Thị Minh A, sinh ngày 21/10/1984; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt;

3.6. A Trần Công T, sinh năm 1985; địa chỉ: 120 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2021 là bà Trần Thị Minh A, sinh ngày 21/10/1984; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt;

3.7. Bà Nguyễn Thị Y – Nguyên Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng; địa chỉ nơi công tác: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.8. Ông Nguyễn Khánh L - Nguyên Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng; địa chỉ nơi công tác: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.9. Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2022* là ông Nguyễn Lê Minh H, sinh năm 1992; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.10. Sở T nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Tầng 15, Trung tâm Hành chính thành phố Đà Nẵng - quận H, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo giấy ủy quyền số 36/GUQ-STNMT ngày 26/7/2021* là bà Phan Thị H - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận H, vắng mặt.

3.11. UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 136, đường Q, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.12. Văn phòng Công chứng S; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2021, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25/5/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị C trình bày:*

Bà Võ Thị C và ông Trần Đ kết hôn ngày 30/5/1982 theo Giấy đăng ký kết hôn số 430, quyển số 1 do UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cấp. Nhà đất 187 Đ của vợ chồng ông Trần H, bà Huỳnh Thị C liền kề nhà của vợ chồng bà C nên khi biết ông H, bà C muốn bán thì vợ chồng bà C hỏi mua, hai bên thống nhất giá mua bán 900 triệu đồng nên vợ chồng bà C đặt cọc 5.000 USD. Ngày 11/01/2002 khi vợ chồng ông Trần Q, bà Võ N (tên tiếng A là J Tran và Vo J) về Việt Nam chơi, vợ chồng bà C hỏi vay tiền để mua nhà 187 Đ thì vợ chồng ông Trần Q đồng ý. Vợ chồng ông Trần Q và ông Trần Đ lập *Giấy mượn tiền mặt USD* ngày 14/01/2002, nội dung ông Trần Đ mượn vợ chồng ông Trần Q

70.000 USD để mua nhà 187 Đ, có chữ ký vợ chồng ông Trần Q, ông Trần Đ và được UBND phường T xác nhận chữ ký, nhưng khi về Hoa Kỳ thì ngày 22/01/2001 ông Trần Q mới gửi về Việt Nam cho ông Trần Đ 58.953 USD. Ngày 28/01/2002 ông Đ và vợ chồng ông H đến Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng lập Hợp đồng chuyển nhượng số 282HVLC/28.01.2002 ngày 28/01/2002. Ngày 26/02/2002, Sở Địa chính Nhà đất thành phố Đà Nẵng chỉnh lý sang tên nhà đất 187 Đ cho ông Trần Đ tại trang sau Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3401031513 (hồ sơ gốc số 3401031513) UBND thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Trần H, bà Huỳnh Thị C ngày 13/7/2000.

Vì tiền mua nhà là tiền vay vợ chồng ông Trần Q nên vợ chồng và C phải trích ra mỗi tháng 5.000 USD là tiền lãi của tiền vay để trả ông Trần Q khi ông Trần Q về nước. Để không sợ mất tiền cho vay thì ngày 20/5/2002 trước khi về Hoa Kỳ, ông Trần Q buộc ông Trần Đ đến Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng lập Di chúc để lại toàn bộ nhà đất 187 Đ cho vợ chồng ông Trần Q. Sau 5 tháng kể từ ngày lập Di chúc thì ngày 08/10/2002 ông Trần Đ chết đột ngột và ông Trần Q về dự tang lễ, lợi dụng lúc gia đình bà C khủng hoảng tâm lý thì ông Trần Q yêu cầu bà C và con trai bà C ký Giấy cam kết ngày 15/10/2002 ghi nội dung ông Trần Q ủy quyền cho bà C quản lý nhà đất 187 Đ. Tháng 3/2015 ông Trần Q về Việt Nam dụ dỗ bà C làm thủ tục kết hôn giả với ông Trần Q để được định cư tại Mỹ và đã tiến hành khai hồ sơ, nhưng phỏng vấn xin Visa tại Đại sứ quán không thành công. Tiếp đó, năm 2016 ông Trần Q lại hứa bảo lãnh cho con trai bà C là Trần Công T sang Mỹ du học nên lừa bà C và các con bà C ký Văn bản cam kết về tài sản, Văn bản khai nhận di sản thừa kế để ông Trần Q làm thủ tục, sau này bà C mới biết bị ông Trần Q lừa.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận nhà đất tại 187 Đ là tài sản chung vợ chồng bà C và ông Trần Đ, bà C và các con sẽ trả lại vợ chồng ông Trần Q số tiền vay mua nhà đất 187 Đ (có lúc bà C đồng ý trả 100.000 USD, có lúc chỉ đồng ý trả 70.000 USD); tuyên bố Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng, tặng cho nhà đất 187 Đ cho ông j Tran vô hiệu vì ông Trần Đ bị ông Trần Q buộc ký Di chúc để che giấu giao dịch vay tiền; tuyên bố Giấy thỏa thuận cho, nhượng, phân chia di sản thừa kế ngày 15/11/2004, Văn bản cam kết về tài sản bà C ký ngày 24/10/20016; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 10/11/2016 vô hiệu; buộc vợ chồng ông Trần Q (do ông Trần C và ông Trần D là đại diện theo ủy quyền) phải dọn ra khỏi nhà 187 Đ để trả lại nhà cho mẹ con bà C.

- Bị đơn (ông Trần Q) do đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Q (j Tran) định cư tại Hoa Kỳ, trong 1 lần về Việt Nam, qua giới thiệu được biết vợ chồng ông Trần H, bà Huỳnh Thị C (chủ sở hữu nhà đất 187 (số 55 cũ) Đ) cần bán nhà đất nên ông Trần Q mua và trực tiếp đặt cọc cho ông Trần H 400USD, số tiền còn lại để hoàn tất thủ tục mua nhà, sau khi về Hoa Kỳ ông Trần Q chuyển trả. Ông Trần Q đã chuyển tiền nhiều lần cho ông Đ khoảng 100.000USD, trong đó ngày 22/01/2001 chuyển nhiều nhất 58.953USD. Ngày 26/02/2002, ông Trần Đ được Sở Địa chính Nhà đất thành phố Đà Nẵng chỉnh lý biến động sang tên nhà đất số 187 Đ tại trang sau của Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3401031513 (hồ sơ gốc số 3401031513) do UBND thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Trần H, bà Huỳnh Thị C ngày 13/7/2000. Nguồn gốc tiền mua nhà đất 187 Đ là của vợ chồng ông Trần Q, điều này bà C và các con đều biết và để tránh khiếu nại sau này thì ngày 20/5/2002 ông Trần Đ lập Di chúc tại Phòng Công Chứng số 1 thành phố Đà Nẵng ghi: “Tôi là chủ sở hữu ngôi nhà tọa lạc số 187 (số 55 cũ) đường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng. Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401031513 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.7.2000. Tôi có mượn của Trần j và bà Vo J (Võ N) số tiền là 100.000 USD để xây dựng nhà cửa và kinh doanh làm ăn. Do đó, sau này khi tôi qua đời, tôi để lại toàn bộ ngôi nhà đất nói trên cho ông Trần j (sinh năm 1964, hộ chiếu 201365695, thường trú tại USA) và bà Vo J (sinh năm 1968, hộ chiếu 201365696, thường trú tại USA). Sau khi tôi qua đời ông Trần j và bà Vo J được toàn quyền thừa kế toàn bộ ngôi nhà và đất thuộc sở hữu và quyền sử dụng đất của tôi nói trên mà không ai được quyền tranh giành hay khiếu nại. Tôi lập di chúc trong lúc tinh thần minh mẫn, sáng suốt và hoàn toàn tự nguyện không bị ai lừa dối hay ép buộc”.

Ngày 08/10/2002 ông Đ chết, bà C sợ ông Trần Q lấy lại nhà đất mất tiền cho thuê nhà nên đề nghị ông Trần Q cho bà C quản lý khai thác kinh doanh lâu dài và ông Trần Q đồng ý với điều kiện bà C phải lập văn bản xác nhận nhà đất là của ông Trần Q giao cho bà C quản lý. Ngày 15/10/2002 bà C lập Giấy cam kết có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T nội dung: “Sau khi chồng tôi qua đời, tôi đã được ủy thác Trần j (Trần Q), hộ chiếu 201365695, sinh năm 1964, thường trú tại USA là người được quyền quản lý căn nhà số 187 (số 55 Đ cũ) phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, do ông Trần j sở hữu để tiếp tục kinh doanh; Tôi phải có trách nhiệm bảo quản những gì hiện có trong nhà và tôi không được tự ý sửa chữa hoặc thay đổi những vật cố định khi chưa có sự đồng ý của ông Trần j và ông Trần j có quyền sở hữu lại căn nhà bất cứ lúc nào khi Trần j muốn; Nếu tôi có làm những điều gì không đúng với giấy cam kết này thì tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Để vợ chồng ông Trần Q tin tưởng, tiếp tục cho bà C quản lý nhà đất để kinh doanh thì ngày 10/11/2003, bà C viết Giấy cam kết nội dung: “Sau khi chồng tôi qua đời tôi đã được sự tin tưởng của ông Trần j (Trần Q) và bà Vo J (Võ N) thường trú tại USA là người được tạm quyền quản lý căn nhà số 187 (số 55 cũ) đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng do ông Trần j (Trần Q) bà Vo J (Võ N) chủ sở hữu nhà và đất để tiếp tục kinh doanh nhà trọ; Tôi Võ Thị C cam kết sau đây: cần kiệm, tích lũy tiền bạc cho gia đình tôi và giúp đỡ anh chị em bên chồng tôi nếu được; Ông Trần j (Trần Q) và bà Vo J (Võ N) có quyền lấy lại, nhà đất Đ bất cứ lúc nào nếu ông bà muốn”, Giấy cam kết được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận và Ủy ban nhân dân phường T cũng yêu cầu bà C phải thực hiện đúng nội dung cam kết.

Ngoài ra, ông Trần Q và bà C còn thỏa thuận miệng, nội dung bà C phải trích mỗi tháng 500USD từ lợi tức kinh doanh cho thuê nhà để giao cho ông Trần Q khi ông Trần Q về Việt Nam để ông Trần Q dùng khoản tiền này phụ giúp anh chị em, mẹ già tại Việt Nam; tuy nhiên từ 2015 đến nay bà C trình bày việc kinh

doanh khó khăn nên không trích dành tiền hàng tháng, nhưng vì tình nghĩa chị em nên ông Trần Q chưa yêu cầu.

Ngày 15/11/2004 bà C tiếp tục làm Giấy thỏa thuận, được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận nội dung: “ Bà Võ Thị C là những người theo di chúc hoặc theo pháp luật của ông Trần Đ, tài sản thừa kế là ngôi nhà đất tại số 187 (số 55 cũ) đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số tại 187 (số 55 cũ) đường Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 3401031513 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/7/2000. Nay bằng văn bản này chúng tôi cho, nhường phần hưởng di sản đối với phần thừa kế của chúng tôi về tài sản nói trên cho các ông bà: ông J Trán (Trần Q) và bà J Vo (Võ N), thường trú tại USA, nhường tài sản phân chia toàn bộ, kể từ ngày ký giấy này các ông bà ông J Trán (Trần Q) và bà J Vo (Võ N), toàn quyền sở hữu phần tài sản thừa kế của chúng tôi đối với tài sản nói trên”.

Ngày 24/10/2016 bà C lập Văn bản cam kết về tài sản tại Văn phòng Công chứng S: “Tôi cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối không bị ép buộc về những nội dung: T sản nhà và đất có thửa 22, tờ bản đồ số 18 tại 187 (số 55 cũ) đường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở số 3401031513 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/7/2000 do một mình chồng tôi ông Trần Đ đứng tên trên bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất, là tài sản riêng của chồng tôi, tôi không có bất cứ đóng góp nào đối với việc hình thành tài sản nêu trên”. Cùng ngày 24/10/2016 tại Văn phòng Công chứng S, chị Trần Thị Minh A và anh Trần Công T (02 con chung của ông Trần Đ và bà Võ Thị C) xác nhận: “Là con ruột của ông Trần Đ. Cha chúng tôi là chủ sở hữu nhà và sử dụng đất có thửa 22, tờ bản đồ số 18 tại 187 (số 55 cũ) đường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở số 3401031513 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/7/2000. Cha tôi đang đứng tên, hiện nay cha tôi đã chết; Nguyên ngôi nhà và đất nói trên có nguồn gốc từ khoản tiền mà vợ chồng chủ ruột của chúng tôi là J Trán và Vo J cho cha chúng tôi mượn để mua và ở cho đến nay. Cha chúng tôi đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà và đất trên cho vợ chồng chủ chúng tôi sau khi cha chúng tôi qua đời. Chúng tôi xác nhận chúng tôi hiện nay đã trưởng thành và không thuộc đối tượng hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc”.

Vì tình bà con ruột thịt, nghĩa cử em chồng chị dâu, tình chú cháu nên ngày 22/10/2016 tại Văn phòng công chứng S, ông Trần Q lập Giấy cam kết: “tôi sẽ cho chị dâu và các cháu ruột tôi là (con của bà Võ Thị C) 10% giá trị chuyển nhượng nhà đất nêu trên sau khi tôi thực hiện việc chuyển nhượng khi tôi bán căn nhà và đất”. Ngày 10/11/2016 ông Trần Q và mẹ đẻ là cụ Lê Thị T và bà C lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản có sự làm chứng của chị Trần Thị Minh A tại Văn phòng Công chứng S nội dung: “người để lại di sản ông Trần Đ, sinh năm 1958, chết ngày 08/10/2002, di sản nhà và đất số thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Đ có thửa 22, tờ bản đồ 18, tọa lạc tại 187 (số 55 cũ) đường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng. Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và

quyền sở hữu đất ở số 3401031513 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.7.2000. Trước khi chết ông Trần Đ có để lại di chúc số 94, quyền số HV3-4 do Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 20/5/2002, theo đó nội dung di chúc là ông Trần Đ để lại toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ nêu trên cho ông Trần J và bà Vo J được quyền thừa kế; Bằng văn bản thỏa thuận phân chia di sản này bà Lê Thị T và bà Võ Thị C đồng ý tặng cho phần quyền hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc mà mình được hưởng đối với di sản nêu trên cho ông Trần J và bà Vo J được quyền thừa kế. Như vậy ông Trần J và bà Vo J được hưởng toàn bộ giá trị nhà và đất nêu trên”. Sau khi đã hoàn tất các thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, công nhận cho người hưởng di sản thừa kế, nhiều lần ông Trần Q và bà Võ N muốn về Việt Nam hoàn tất thủ tục đứng tên nhà đất, nhưng do dịch COVID-19 nên chưa thể thực hiện.

Vì các lý do trên, ông Trần Q đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C vì việc mình ông Trần Đ đứng tên sở hữu nhà đất 187 Đ là hợp pháp; Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 để lại toàn bộ nhà đất 187 Đ cho vợ chồng ông Trần Q là hợp pháp vì ông Trần Đ lập di chúc khi minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, ép buộc, được công chứng và bà C và các con cũng đã lập Văn bản từ chối nhận thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ N (Vo J) thống nhất với trình bày và đề nghị của ông Trần Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Lê Thị T (mẹ đẻ ông Trần Đ và ông Trần Q) trình bày: Tiền mua nhà đất 187 Đ (khoảng 100.000USD) là của Trần Q, còn Trần Đ chỉ đứng tên mua nhà. Nhằm tránh tranh chấp sau này Trần Đ đã lập Di chúc để lại toàn bộ nhà đất 187 Đ cho vợ chồng Trần Q. Ngày 10/11/2016 cụ T và con dâu là Võ Thị C đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng S, nội dung tặng cho phần di sản mình được nhận từ Trần Đ cho Trần Q và Võ N. Nay, cụ T vẫn đồng ý tặng cho phần di sản cụ được hưởng cho Trần Q và Võ N và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Tuấn D (con đẻ của vợ chồng bà C) đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng trình bày: Công chứng viên của Phòng công chứng chứng nhận Hợp đồng chuyển dịch số 282, quyền số HV1C TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2002 và Di chúc số 94, quyền số HV34 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2002 là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng, người lập di chúc hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, hay lừa dối và có năng lực hành vi dân sự theo định của pháp luật; mục đích, nội dung của Hợp đồng, Di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, Phòng Công chứng đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển dịch, Di chúc có hiệu lực.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở T nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng trình bày: Nhà đất tại 187 Đ là tài sản của vợ chồng ông Trần

H, bà Huỳnh Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3401031513 (hồ sơ gốc số 10108) do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/7/2000. Ngày 28/01/2002, tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng vợ chồng ông Trần H, bà Huỳnh Thị C ký Hợp đồng chuyển dịch số 282, bán nhà đất 187 Đ cho ông Trần Đ và ngày 26/02/2002 ông Trần Đ được Sở Địa chính-Nhà đất TP Đà Nẵng chỉnh lý sang tên nhà đất 187 Đ. Thủ tục chỉnh lý, biến động sang tên nhà đất 187 Đ cho ông Trần Đ được Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng (nay là Sở T nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng) thực hiện đúng định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng S trình bày:* Ngày 24/10/2016 bà Võ Thị C yêu cầu Văn phòng công chứng Văn bản cam kết về tài sản là nhà và đất tại 187 (55 cũ) Đ, bà C cam kết toàn bộ nhà đất 187 Đ là tài sản riêng của ông Trần Đ; Công chứng viên Văn phòng Công chứng S thực hiện công chứng Văn bản cam kết tài sản trên là đúng quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khánh L (nguyên Công chứng viên Phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng) trình bày:* Việc Ông thụ lý và chứng nhận Di chúc số công chứng 94, quyền số HV34TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2002 là đúng quy trình và quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường T và bà Nguyễn Thị Y (nguyên Công chứng viên Phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng là người thực hiện việc chứng thực Hợp đồng chuyển dịch số 282, quyền số HV1C TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2002) không có mặt tại Tòa án và không gửi lời khai.*

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 201, Điều 645 và Điều 672 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị C về việc:

1.1. Công nhận nhà đất tại 187, Đ, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung giữa bà Võ Thị C và ông Trần Đ.

1.2. Hủy chỉnh lý biến động đứng tên ông Trần Đ tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401031513 ngày 13 tháng 7 năm 2000.

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị C về việc hủy một phần Di chúc ngày 20 tháng 5 năm 2002: Hủy phần “Di chúc ” do ông Trần Đ lập ngày 20 tháng 5 (thừa kế cho ông Trần j và bà Vo J nhà đất tại 187 Đ, thành phố Đà Nẵng) được Phòng Công chứng số 1, thành phố Đà Nẵng công chứng số 94, quyền số HV34/TP/CC-SCC/HĐGD đối với kỹ phần của những người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc.

3/ Chi phí định giá: Bà Võ Thị C phải chịu số tiền chi phí định giá là 30.000.000đ (Số tiền này, bà Võ Thị C đã nộp theo Phiếu thu ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Q - Chi nhánh Đà Nẵng).

4/Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị C được miễn toàn bộ.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 19/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn kháng cáo của bà C, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà C, áp dụng pháp luật chưa đúng và chưa xem xét đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Ngày 25/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn kháng cáo của phía bị đơn ông Trần Q (do ông Trần D đại diện theo ủy quyền) và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ N (do ông Trần Chứng đại diện theo ủy quyền) kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, không xem xét chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn (do người đại diện theo ủy quyền trình bày) giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định nhà đất 187 Đ là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Đ và bà Võ Thị C và hủy chính lý biến động đứng tên mình ông Trần Đ đối với nhà đất 187 Đông Đa để bà C được cùng ông Đ đứng tên nhà đất này; đề nghị tuyên bố Di chúc ông Trần Đ vô hiệu toàn bộ vì ông Trần Đ bị ông Trần Q ép buộc ký Di chúc nhằm che giấu giao dịch vay tiền và tuyên hủy các văn bản mẹ con bà C bị ông Trần Q lừa ký; buộc ông Trần C và ông Trần D (những người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Q) phải dọn ra khỏi nhà 187 Đ để trả lại nhà cho mẹ con bà C và mẹ con bà C đồng ý trả lại vợ chồng ông Trần Q tiền mượn mua nhà 100.000 USD quy đổi theo giá lúc xét xử.

- Bị đơn (ông Trần Q) và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Võ N) do ông Trần D và ông Trần C (là người đại diện theo ủy quyền) đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 có hiệu lực toàn bộ; riêng số tiền 100.000 USD mà Nguyên đơn đề nghị trả với điều kiện ông Trần Q và bà Võ N từ bỏ quyền lợi được hưởng từ Di chúc thì mặc dù các Ông có kháng cáo yêu cầu chấp nhận sự tự nguyện của bà C trả 100.000 USD, nhưng tại phiên tòa hôm nay các Ông rút nội dung kháng cáo này, không đồng ý nhận số tiền này.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung:

Chị Trần Thị Minh A sinh ngày 21/10/1984; ngày 20/5/2002 ông Trần Đ lập Di chúc để lại toàn bộ nhà đất tại 187 Đ cho vợ chồng ông Trần Q và đến ngày 08/10/2002 ông Trần Đ chết thì chị Minh A chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại Điều 672 Bộ luật dân sự năm 1995 về những người thừa kế được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của Di chúc thì chị Minh A là người được hưởng ít nhất 2/3 một kỷ phần thừa kế di sản của ông Trần Đ chia theo pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót kỷ phần thừa kế chị Minh A được hưởng; do đó đề

ngợi cấp phúc thẩm sửa 1 phần bản án sơ thẩm tuyên bố hủy phần Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 đối với kỷ phần của 4 người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung Di chúc gồm cụ T, bà C, chị Minh A và anh T (cấp sơ thẩm chỉ tuyên hủy phần Di chúc đối với 3 người thừa kế là cụ T, bà C và anh T là thiếu chị Minh A); những nhận định và quyết định khác của bản sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2021 (bút lục 13); Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25/5/2022 (bl 462); Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/01/2022; Biên bản hòa giải ngày 14/01/2022 (từ bl 372 - 374); Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/02/2022 và Biên bản hòa giải ngày 21/02/2022 (từ bl 391 - 395) thì bà Võ Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: (i) Công nhận nhà đất tại địa chỉ 187 Đ là tài sản chung của vợ chồng bà C và ông Trần Đ nên chỉnh lý biến động tại trang sau *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số phát hành 3401031513 (hồ sơ gốc số 10108) mà Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Trần H, bà Huỳnh Thị T ngày 13/7/2000 sang tên ông Trần Đ và bà Võ Thị C; (ii) Tuyên bố *Di chúc* ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng, nội dung tặng cho nhà đất tại địa chỉ 187 Đ cho vợ chồng ông Trần Q vô hiệu toàn bộ vì việc lập Di chúc bị ép buộc (vợ chồng ông Trần Q buộc ông Trần Đ lập Di chúc vì nợ tiền, Di chúc lập để che giấu giao dịch vay tiền) và tuyên hủy các văn bản mẹ con bà C bị ông Trần Q lừa ký (gồm Giấy thỏa thuận cho, nhường, phân chia di sản thừa kế ngày 15/11/2004; Văn bản cam kết về tài sản bà C lập ngày 24/10/20016; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 10/11/2016); (iii) Buộc ông Trần C và ông Trần D (những người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Q, bà Võ N) ra khỏi nhà 187 Đ để trả lại nhà cho mẹ con bà C và mẹ con bà C đồng ý trả lại vợ chồng ông Trần Q 100.000 USD tiền ông Trần Đ vay mua nhà.

Vợ chồng ông Trần Q, bà Võ N (do người đại diện theo ủy quyền) trình bày tiền mua nhà đất tại địa chỉ 187 Đ là của vợ chồng ông Trần Q, bà Võ N gửi từ Hoa Kỳ về cho ông Trần Đ vay mua nhà nên ông Trần Đ đã lập Di chúc để lại toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông Trần Q; vợ và các con ông Trần Đ đã từ chối nhận thừa kế nên đề nghị Tòa án công nhận Di chúc có hiệu lực toàn bộ để vợ chồng ông Trần Q làm thủ tục khai nhận thừa kế hưởng toàn bộ nhà đất.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của bị đơn thì đây là vụ án dân sự, không phải việc dân sự và nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên Di chúc vô hiệu toàn bộ, trong khi bị đơn yêu cầu công nhận Di chúc có hiệu lực toàn bộ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết “*Công nhận tài sản chung; hủy chỉnh lý biến động và hủy một phần di chúc*” là chưa đúng nên cấp phúc thẩm sửa lại “*Tranh chấp liên quan đến*

yêu cầu công nhận tài sản chung, yêu cầu hủy chỉnh lý biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc” cho đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà C cho rằng nhà đất 187 Đ là tài sản chung của vợ chồng (ông Trần Đ và bà Võ Thị C), Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy ông Đ và bà C là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 430 ngày 30/5/1982 của UBND phường T, thành phố Đà Nẵng; tuy bà C biết việc ngày 28/01/2002 ông Đ ký Hợp đồng tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng mua nhà đất 187 Đ của vợ chồng ông Trần H, bà Huỳnh Thị C và ngày 26/02/2002 mình ông Đ được chỉnh lý đứng tên nhà đất 187 Đ tại trang sau *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số phát hành 3401031513 (hồ sơ gốc số 10108) mà UBND thành phố Đà Nẵng cấp cho ông H, bà T ngày 13/7/2000, nhưng bà C không khiếu nại mà đến năm 2021 bà C mới khởi kiện yêu cầu xác định nhà đất 187 Đ là tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ nội dung *Giấy nhận tiền đặt cọc* ngày 09/01/2002, *Giấy mượn tiền mặt USD* ngày 14/01/2002 (bl 33, 207 được UBND phường T xác nhận chữ ký) và *Hóa đơn chuyển tiền* ngày 22/01/2002 (bl 188) cấp phúc thẩm xét đủ cơ sở xác định ông Đ là người đặt cọc mua nhà, mượn tiền của vợ chồng ông Trần Q mua nhà 187 Đ của vợ chồng ông H, bà C. Căn cứ Di chúc ông Đ lập ngày 20/5/2002 (nội dung ông Đ mượn vợ chồng ông Trần Q 100.000 USD để xây dựng nhà cửa và kinh doanh làm ăn), căn cứ *Văn bản cam kết về tài sản* ngày 24/10/2016 (nội dung bà C thừa nhận nhà đất 187 Đ là tài sản riêng của ông Đ, bà C không có đóng vào việc hình thành tài sản - bl 210) cấp phúc thẩm xét đủ cơ sở xác định nhà đất 187 Đ là tài sản riêng của ông Trần Đ nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Võ Thị C.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố ***Di chúc*** ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng vô hiệu toàn bộ vì ông Trần Đ bị vợ chồng ông Trần Q ép buộc ký Di chúc do nợ tiền nên việc lập Di chúc là để che giấu giao dịch vay tiền; cũng như xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông Trần Q yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 hợp pháp, có hiệu lực toàn bộ, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: [3.1] Ông Đ và bà C đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đà Nẵng ngày 30/5/1982; bà C biết mình ông Trần Đ đứng tên nhà đất 187 Đ từ năm 2002, biết ông Trần Đ lập Di chúc ngày 20/5/2002 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng để lại toàn bộ nhà đất 187 Đ cho vợ chồng ông Trần Q và trong suốt từ năm 2002 đến năm 2021 bà C khởi kiện vụ án này thì bà C và các con xác lập nhiều văn bản (như *Giấy cam kết* bà C lập ngày 15/10/2002, ngày 10/11/2003; *Giấy thỏa thuận* bà C lập ngày 15/11/2004; *Văn bản cam kết về tài sản* bà C và các con lập ngày 24/10/2016) có nội dung bà C và các con xác nhận tiền mua nhà đất 187 Đ là của vợ chồng ông Trần Q, không phản đối nội dung Di chúc ông Trần Đ lập và còn đồng ý trả nhà đất khi vợ chồng ông Trần Q yêu cầu. Vì các lý do trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 vô hiệu toàn bộ vì ông Trần Đ bị ép buộc khi lập Di chúc; [3.2] Ngày

20/5/2002 ông Đ lập Di chúc để lại toàn bộ nhà đất 187 Đ cho vợ chồng ông Trần Q, đến ngày 08/10/2002 ông Trần Đ chết. Xét, thời điểm ông Đ chết thì ông Đ còn mẹ đẻ là cụ Lê Thị T, vợ là bà Võ Thị C và 2 trong số 3 con (chị Trần Thị Minh A sinh ngày 20/11/1984 và anh Trần Công T sinh ngày 28/10/1985 là người chưa thành niên, trừ anh Trần Tuấn D sinh năm 1978) nên theo quy định tại Điều 672 Bộ luật dân sự năm 1995 thì cụ T, bà C, chị Minh A và anh T là những người được hưởng thừa kế di sản của ông Đ không phụ thuộc vào nội dung Di chúc, họ được hưởng hai phần ba suất của một người thừa kế, nếu như di sản thừa kế được chia theo pháp luật; [3.3] Xét trình bày của vợ chồng ông Trần Q cho rằng ngày 24/10/2016 anh Trần Công T đã lập *Giấy xác nhận*, ghi “hiện nay tôi đã trưởng thành và không thuộc đối tượng hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc”, còn bà C đã ký *Văn bản thỏa thuận phân chia di sản* ngày 10/11/2016 tặng cho vợ chồng ông Q phần di sản bà C được hưởng của ông Đ, thấy rằng: Ông Đ chết ngày 08/10/2002 (là ngày mở thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 636 Bộ luật dân sự năm 1995), trong khi Điều 642 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định về quyền từ chối nhận di sản của người thừa kế như sau: “2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản; người từ chối phải báo cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, Công chứng nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản. 3. Thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng, kể từ ngày mở thừa kế. Sau sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế nếu không có từ chối nhận di sản thì được coi là đồng ý nhận thừa kế”; mặt khác, nội dung *Giấy xác nhận* do anh T lập không thể hiện anh T từ chối nhận thừa kế hoặc nhường kỷ phần thừa kế của mình cho vợ chồng ông Trần Q; hơn nữa, thời điểm anh T ký *Giấy xác nhận* ngày 24/10/2016 và bà C ký *Văn bản thỏa thuận phân chia di sản* ngày 10/11/2016 thì đã hết thời hạn từ chối nhận di sản; [3.4]. Vì các lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 672, khoản 1 Điều 636, Điều 642 của Bộ luật dân sự năm 1995 tuyên hủy một phần Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 đối với kỷ phần thừa kế mà những người thừa kế di sản thừa kế của ông Trần Đ được hưởng không phụ thuộc vào nội dung Di chúc là đúng pháp luật; tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định thiếu chị Minh A, nên cấp phúc thẩm sửa 1 phần bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung chị Minh A vào diện những người thừa kế được hưởng di sản thừa kế của ông Trần Đ không phụ thuộc vào nội dung Di chúc cho đúng quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về Chi phí định giá, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà C sửa bản án sơ thẩm nên bà C không phải chịu án phí phúc thẩm; vợ chồng ông Trần Q, bà Võ N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân thành

phố Đà Nẵng (về bổ sung người được hưởng thừa kế di sản của ông Trần Đ không phụ thuộc vào nội dung Di chúc của ông Trần Đ) như sau:

Căn cứ Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 201, Điều 645 và Điều 672 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Võ Thị C về yêu cầu công nhận nhà đất tại 187, Đ, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của bà Võ Thị C và ông Trần Đ, đồng thời hủy chỉnh lý biên động sang tên mình ông Trần Đ ngày 26/02/2002 tại trang sau của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3401031513 (hồ sơ gốc số 10108) mà Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp cho vợ chồng ông Trần H, bà Huỳnh Thị T ngày 13/7/2000 và yêu cầu tuyên bố Di chúc ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng (số công chứng 94, quyền số HV34/TP/CC-SCC/HĐGD) vô hiệu toàn bộ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, tuyên Di chúc do ông Trần Đ lập ngày 20/5/2002 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng (số công chứng 94, quyền số HV34/TP/CC-SCC/HĐGD) vô hiệu một phần đối với việc hưởng thừa kế của những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của Di chúc gồm cụ Lê Thị T, bà Võ Thị C, chị Trần Thị Minh A và anh Trần Công T (4 người thừa kế này có quyền hưởng thừa kế di sản của ông Trần Đ là nhà đất tại 187 Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật).

3. Chi phí định giá: Bà Võ Thị C phải chịu 30.000.000 đồng, số tiền này bà C đã nộp theo Phiếu thu ngày 14/12/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Q - Chi nhánh Đà Nẵng và đã chi xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị C được miễn.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị C không phải chịu.

Ông Trần Q, bà Võ N mỗi người phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng ông Trần D đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thay ông Trần Q và bà Võ N theo 2 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005028 và số 0005029 ngày 29/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thì ông Trần Q, bà Võ N đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT II;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân

